

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2022

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi  
con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Hùng;
2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Trần Thị H, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp T5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** anh Phạm Minh V, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: ấp T5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1962;

2. Ông Lê Văn M1, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: ấp T4, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị H, anh V có mặt tại phiên tòa; bà M, ông M1 có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Chị Trần Thị H và anh Phạm Minh V sau một thời gian tìm hiểu và kết hôn vào

năm 2006. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện. Anh V, chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 08/5/2006. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được hơn 10 năm đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, sống không hạnh phúc. Ngoài ra, anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài và đã có con. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình anh V biết vợ chồng chị bất hòa nhưng không tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh V, chị H cũng không tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn. Vợ chồng anh V đã ly thân khoảng 03 năm nay. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai, khả năng hàn gắn không còn. Nay, chị H xác định không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh.

Về con chung: chị H, anh V có 02 con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 23/12/2006 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay, 02 con chung đang sống với ông bà nội là Lê Văn M1 và Nguyễn Thị Kim M. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị H đang làm phụ hồ thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, công việc ổn định. Từ nhỏ các con của chị do chị H nuôi dưỡng, đến khoảng cuối năm 2016 mới gửi 02 con của chị cho ông bà nội nuôi dưỡng để đi làm ở TPHCM. Vợ chồng chị đi làm gửi tiền về nuôi con, hàng tuần đều về thăm. Từ cuối năm 2016 đến nay 02 con của anh chị sống với ông bà nội. Khi các cháu D và Y sống với ông bà nội ông bà lo cho cháo nhưng vào dịp tết năm 2022 chị đến thăm con, nhận thấy ông M1, bà M không lo cho con chị chu đáo nữa, như cho các con chị ăn cơm với cá khô. Ngoài ra, ông M1, bà M và anh V không biết chữ nên không dạy kèm các con học được. Bà M mới bị bệnh, không đủ sức khỏe để lo cho cho các cháu; còn ông M1 không phải là ông nội ruột nên không lo được cho con chị.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

*Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Minh V trình bày:*

Những thông tin về hôn nhân của anh chị, chị H trình bày trên đây là đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, sống không hạnh phúc; còn việc chị H cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con là không có. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh V đồng ý.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 23/12/2006 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay 02 con chung đang sống với anh và ba mẹ anh là ông Lê Văn M1 và bà Nguyễn Thị Kim M. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi 02 con anh không đồng ý. Lý do, chị H không có chỗ ở ổn định, không có nhà cửa, chị H đang ở trọ; thu nhập bấp bênh, không ổn định. Anh V yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay các con của anh chị sống với anh và ba mẹ anh V vẫn lo cho các cháu chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

*Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M1 trình bày:*

Ông là ba sau của anh Phạm Minh V. Ba của anh V đã chết từ khi anh V mới sinh ra. Anh V sống với ông từ nhỏ đến lớn. Sau đó, ông M1 kết hôn với mẹ anh V là bà Nguyễn Thị Kim M vào năm anh V 03 tuổi đến nay. Ông M1 cùng với bà M nuôi và đến khi lớn lập gia đình cho anh V.

Anh V với chị Trần Thị H kết hôn có 02 đứa con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 23/12/2006 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 17/10/2009. Cháu D và Như Y sống với vợ chồng ông từ năm cháu D 05 tuổi, còn Như Y sống với ông và bà M vào năm cháu Y 06 tuổi cho đến nay. Lúc đó, anh V với chị H đi làm trên TPHCM. Thời gian cháu Y và D sống với vợ chồng ông, ông M1 và bà M lo cho các cháu chu đáo, chăm sóc, lo lắng đầy đủ. Ông không phải ông nội ruột của 02 cháu nhưng thương yêu các cháu như cháu ruột. Vợ chồng ông làm ăn, kiếm tiền chỉ để nuôi 02 cháu. Ông có 03 người con chung với bà M nhưng không lo nhiều vì các cháu có cha mẹ đầy đủ. Chỉ có anh V vợ chồng không thuận thảo nên ông thương và lo lắng, chăm sóc nhiều hơn. Việc ăn uống, sinh hoạt, học hành của 02 cháu vợ chồng ông cũng lo đầy đủ, tạo điều kiện cho các cháu học hành, đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu.

Cháu D và Như Y hiện nay đang sống với anh V và vợ chồng ông. Trước đây, các cháu còn nhỏ ông đưa rước cháu D và Y đi học; hiện nay, 02 con của anh V đã lớn có thể tự đi học được nên không đưa rước nữa.

Cách đây khoảng 04 năm, chị H gây mất trật tự tại Bến xe T, công an tỉnh Bến Tre (công an 113) mới đưa chị H vô bệnh viện tâm thần ở Đ. Chị H điều trị ở đây khoảng 02 tuần sau đó chị H nhờ anh V bảo lãnh cho chị H về. Sau khi chị H về đi cho đến nay.

Trong giao tiếp với cha mẹ chồng, với bên chồng chị H không được lễ phép. Đối với yêu cầu của chị H được nuôi 02 cháu D và Như Y ông không đồng ý, vì hiện nay chị H không có nơi ở ổn định, không có nhà cửa gì. Chị H vẫn có quan tâm đến con cái nhưng để chị H nuôi dưỡng 02 cháu thì ông không an tâm. Việc anh V, chị H ly hôn cũng có ảnh hưởng đến việc học tập cũng như tâm lý của các cháu. Ông đồng ý cho chị H với anh V ly hôn vì không còn khả năng hàn gắn. Ông không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Ông M1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, ông không khiếu nại về sau.

*Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:*

Bà là mẹ của anh Phạm Minh V. Ông Lê Văn M1 là ba sau của anh V như ông M1 trình bày. Ba ruột của anh V là Phạm Văn Đ, đã chết từ khi anh V còn nhỏ. Anh V sống với bà và ông M1 từ nhỏ đến lớn. Bà với ông M1 nuôi và đến khi lớn lập gia đình cho anh V.

Anh V với chị Trần Thị H kết hôn có 02 đứa con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 23/12/2006 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 17/10/2009. Cháu D và Như Y sống với vợ chồng bà. Thời gian cháu Y và D sống với ông bà các cháu được lo chu đáo, chăm sóc, lo lắng đầy đủ. Ông M1 không phải ông nội ruột của 02 cháu nhưng thương yêu các cháu như cháu ruột. Việc ăn uống, sinh hoạt, học hành của 02 cháu vợ chồng bà cũng lo đầy đủ, tạo điều kiện cho các cháu học hành, đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu.

Tình hình sức khỏe của bà giờ đã ổn định, điều trị đã khỏe. Bà đủ khả năng kinh tế và sức khỏe để phụ nuôi 02 cháu D và Y.

Ngoài ra, bà M thống nhất với lời trình bày của ông M1, không trình bày gì thêm. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trước đây.

Anh V vẫn giữ nguyên lời trình bày không thay đổi.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:*

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng, nguyên đơn là chị Huệ không tuân theo sự điều khiển của Hội đồng xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị H với anh Phạm Minh V.

Về con chung: Phạm Minh D, sinh ngày 23/12/2006 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 17/10/2009, sau khi ly hôn anh V trực tiếp nuôi con chung; chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh V không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 01/12/2021, chị Trần Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh V. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Mở Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, ông M1 có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M1, bà M là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Đối với yêu cầu ly hôn của chị H:*

Chị H, anh V tự nguyện kết hôn vào năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2006. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc được hơn 10 năm đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, sống không hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị không tìm cách tháo gỡ. Gia đình anh V biết anh chị bất hòa nhưng không hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng anh V đã ly thân khoảng 03 năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị H xác định không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh V đồng ý. Điều này có cơ sở khẳng định, cả hai không còn tha thiết và không mong muốn duy trì, tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với nhau; tình trạng của vợ chồng chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh V, chị H có 02 con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 23/12/2006 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay, cháu D và Y đang sống với anh V và ông bà nội các cháu là bà M, ông M1. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung. Theo chị H, cháu D và Y hiện nay sống với anh V, ông M1, bà M không được lo chu đáo, như cho các con chị ăn cơm với cá khô nhưng chị không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, ông M1, bà M và anh V không biết chữ nên không dạy kèm các con học được. Bà M mới bị bệnh, không đủ sức khỏe để lo cho các cháu; còn ông M1 không phải là ông nội ruột nên không lo được cho con chị. Đối với yêu cầu của chị H, anh V không đồng ý. Theo anh V, từ trước đến nay các con của anh chị sống với anh và ba mẹ anh V vẫn lo cho các cháu chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu. Hiện nay, chị H không có chỗ ở ổn định, không có nhà cửa, chị H đang ở trọ; thu nhập bấp bênh, không ổn định nên không đảm bảo điều kiện sống cũng như học tập của các con anh. Cháu D và Y ngoài việc đang sống với anh V, các cháu còn sống chung với ông bà nội là ông M1 và bà M. Theo ông M1, bà M, mặc dù ông M1 là ông nội sau của các cháu nhưng cũng thương yêu và dành nhiều tình thương cho các cháu con anh V như cháu ruột vì các cháu không may mắn như các cháu khác của ông bà là cha mẹ đang xin ly hôn. Xét thấy, chị H cho rằng anh V, ông M1 và bà M không lo cho cháu D và Y chu đáo. Tuy nhiên, tại “Biên bản xác minh” ngày 26/5/2022

của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tại xã T thể hiện: tại địa phương không nghe thông tin gì về việc các cháu (D và Y) bị ngược đãi, đánh đập hay lo không chu đáo. Các cháu được ăn học đầy đủ, ổn định và được ông M1 thương và lo như cháu ruột. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tại Trường THCS T (nơi học tập của cháu Y) thể hiện: ông bà nội cháu (Y) quan tâm đến cháu, những vấn đề nhà trường cần thiết phối hợp với phụ huynh thì phối hợp tốt. Ông nội (ông M1) thường là người trực tiếp xử lý những vấn đề nhà trường yêu cầu. Việc ba mẹ cháu Y xin ly hôn ảnh hưởng đến học tập của cháu hay không Trường không khẳng định. Niên khóa 2020 – 2021, cháu Y đang học lớp 6 là lớp đầu cấp, các cháu thường chưa thích nghi, tiếp cận được cách dạy, cách học nên thành tích học tập chưa tốt. Niên khóa 2021 – 2022, học kỳ I cháu Y đạt học lực loại khá. Tương tự tại biên bản xác minh ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tại Trường THCS N (nơi học tập của cháu D) cũng xác định: thời gian cháu D sống với ba và ông bà nội, ông nội thương và lo cho cháu. Việc học tập của cháu D có giảm sút là vì ba mẹ xin ly hôn. Từ các căn cứ trên không có cơ sở xem xét cho lời trình bày của chị H.

Anh V không đồng ý cho chị H nuôi con vì hiện nay chị không có nơi ở ổn định, không đảm bảo điều kiện sống cũng như việc học tập của các cháu. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 06/4/2022 cũng như tại phiên tòa, chị H thừa nhận hiện nay chị đang ở trọ. Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tại Trường THCS N cũng xác định chị H hiện nay đang thuê nhà trọ ở, không có nơi ở ổn định không thuận tiện cho việc học tập của cháu (D). Mặt khác, cháu D và Y sống với anh V, bà M, ông M1 đã lâu, cuộc sống đã ổn định không nên thay đổi người nuôi con làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Cháu D và Y cũng có mong muốn được tiếp tục sống với anh V, bà M và ông M1. Từ các lẽ trên cần giao các cháu D và cháu Y cho anh V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết anh V có quyền yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị H, anh V đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H, anh V không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H xin ly hôn đối với anh Phạm Minh V;**

\* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị H với anh Phạm Minh V.

\* Về nuôi con chung: giao 02 (hai) con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 23/12/2006 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 17/10/2009 cho anh Phạm Minh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh Phạm Minh V không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

\* Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị H và anh Phạm Minh V không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

**2. Về án phí:** chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004940 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Minh Trung**